

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3517 1936

Fax: (08) 3517 1935

Tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

MỤC LỤC	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	04 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>	07 - 09
<i>Báo cáo thu nhập toàn diện riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>	10 - 11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>	12 - 13
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>	14
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>	15 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các giấy phép điều chỉnh sau này.
Vốn điều lệ:	125.000.000.000 đồng Việt Nam.
Hoạt động chính trong kỳ:	Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính; Lưu ký chứng khoán.
Trụ sở chính:	Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Hà Nội:	Tầng 23, tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Dương Công Minh	Chủ tịch	04/06/2013
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Chủ tịch	04/06/2013
Ông Nguyễn Văn Huỳnh	Thành viên	04/06/2013
Ông Lâm Việt Sơn	Thành viên	04/06/2013

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Tổng Giám đốc	18/06/2013
Ông Huỳnh Văn Phát	Phó Tổng Giám đốc	28/10/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Vị trí</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Lê Phương Thanh	Trưởng ban	04/06/2013
Bà Trần Thị Hồng	Thành viên	04/06/2013
Ông Trần Trung	Thành viên	04/06/2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Bích Hồng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



(Handwritten signature)
Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

11. 8. /

11. 8. /



CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM

296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935

Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 16-2-0046/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (“Công ty”) được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016 bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được trình bày từ trang 07 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty đã ký các hợp đồng hợp tác kinh doanh để đầu tư cổ phiếu “Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng” (Cotec Group), tổng giá trị các hợp đồng là 32.500.000.000 đồng (thuyết minh số 35 bản thuyết minh báo cáo tài chính). Số tiền này đang được ghi nhận là tài sản tài chính sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và chưa trích lập dự phòng do không có giá tham chiếu đáng tin cậy (xem thuyết minh 7 bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng). Chúng tôi cũng không thể thu thập được các tài liệu hay thông tin để có thể xác định được giá trị cần trích lập dự phòng của khoản đầu tư này do vậy không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc này tới Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty.

Ngoài ra, khoản đầu tư này có liên quan đến vụ kiện ông Hoàng Xuân Quyền (nguyên Tổng Giám đốc Công ty) về việc ông Quyền đã vượt thẩm quyền khi ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên. Tổng số tiền ông Quyền và các cá nhân có liên quan phải trả cho Công ty là 32.500.000.000 đồng và tiền lãi ước tính là 8.158.381.944 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Quyền và các cá nhân có liên quan đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả.

Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, Công ty đã tiến hành bán đấu giá khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thiệt hại. Theo thông báo của Công ty Cổ phần Bán Đấu Giá Nhân Văn, phiên bán đấu giá tài sản thứ 9 vào ngày 10 tháng 09 năm 2014 đã không thành công. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa phát sinh thêm phiên bán đấu giá nào nữa. Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và ra bản án số 69/2015/HSST cùng ngày với nội dung như sau: buộc ông Hoàng Xuân Quyền bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khắc phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty. Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyền. Công ty đang chờ tòa án xét xử phúc thẩm. Do vụ việc vẫn đang trong quá trình xét xử và chưa có quyết định cuối cùng từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan nên chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng có liên quan đến kết quả kinh doanh của Công ty chưa được ghi nhận (nếu có).

Ngoài vấn đề nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số 22c bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 03 năm 2016, Công ty phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 để tăng vốn từ 125.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Các cổ đông “Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt” và “Phan Hữu Tuấn” từ chối mua cổ phần phát hành thêm tương ứng 2.625.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần mà hai cổ đông trên từ chối mua đã được cổ đông “Công ty Cổ phần Him Lam” mua. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty Cổ phần Him Lam đã chuyển tiền góp vốn 98.750.000.000 đồng và được Công ty ghi nhận vào khoản mục vốn khác của chủ sở hữu. Ngày 07 tháng 07 năm 2016, Cổ đông “ Công ty cổ phần Him Lam” đã nộp 26.250.000.000 đồng để mua số cổ phần của hai cổ đông từ chối mua trên. Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ số 24/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 07 năm 2016 với số vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng. Công ty sẽ phân loại từ vốn khác của chủ sở hữu sang vốn điều lệ vào kỳ kế toán tương ứng.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

5/11

CH
L
11/4/15

11/4/15
11/4/15
11/4/15

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 09 (chín) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt giữ 08 (tám) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh



Tô Quang Tung – Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

S
C
C
I
A
S

S
C
C
I
A
S

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188.496.393.665	111.127.343.080
<i>Tài sản tài chính</i>	<i>110</i>		<i>186.308.894.941</i>	<i>108.971.141.096</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	133.747.750.439	10.949.338.795
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>107.447.750.439</i>	<i>1.249.338.795</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>26.300.000.000</i>	<i>9.700.000.000</i>
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	5a	15.500.000.000	30.500.000.000
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	5a	35.380.000.000	35.380.000.000
Các khoản phải thu	117	5b	5.093.175.832	4.479.757.222
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>3.944.819.444</i>	<i>3.944.819.444</i>
<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	<i>117.3</i>		<i>1.148.356.388</i>	<i>534.937.778</i>
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	32.674.161.200	41.264.221.061
Các khoản phải thu khác	122	9	7.087.936.191	7.581.095.501
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	10	(43.174.128.721)	(21.183.271.483)
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>130</i>		<i>2.187.498.724</i>	<i>2.156.201.984</i>
Tạm ứng	131	11	2.016.686.781	1.987.476.676
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	152.611.943	150.525.308
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	13	18.200.000	18.200.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.569.018.669	1.949.244.260
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>521.818.875</i>	<i>616.625.381</i>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	521.818.875	616.625.381
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>6.189.260.090</i>	<i>6.189.260.090</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(5.667.441.215)</i>	<i>(5.572.634.709)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>15.069.690.564</i>	<i>15.069.690.564</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(15.069.690.564)</i>	<i>(15.069.690.564)</i>
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>250</i>		<i>1.047.199.794</i>	<i>1.332.618.879</i>
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	13	16.553.790	16.553.790
Chi phí trả trước dài hạn	252	12	601.707.912	887.126.997
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	16	428.938.092	428.938.092
TỔNG TÀI SẢN	270		190.065.412.334	113.076.587.340

11/7/16 15:15:11

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.239.264.084	5.777.009.139
<i>Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>4.198.288.108</i>	<i>5.736.033.163</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	320		1.531.936	30.554.006
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	17	936.641.336	265.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	16.382.843	649.673.779
Phải trả người lao động	323		14.030.262	350.695.262
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	111.881.932	1.215.503.912
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	20	249.999.999	750.000.001
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	21	2.817.998.674	2.422.585.077
Quỹ khen thưởng phúc lợi	331		49.821.126	52.021.126
<i>Nợ phải trả dài hạn</i>	<i>340</i>		<i>40.975.976</i>	<i>40.975.976</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		40.975.976	40.975.976
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		185.826.148.250	107.299.578.201
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>185.826.148.250</i>	<i>107.299.578.201</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		223.750.000.000	125.000.000.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>	<i>22a</i>	<i>125.000.000.000</i>	<i>125.000.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>411.1a</i>		<i>125.000.000.000</i>	<i>125.000.000.000</i>
<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>	<i>411.4</i>	<i>22c</i>	<i>98.750.000.000</i>	-
Quỹ dự trữ điều lệ	414		39.210.563	39.210.563
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		78.421.126	78.421.126
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(38.041.483.439)	(17.818.053.488)
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>(38.041.483.439)</i>	<i>(17.818.053.488)</i>
TỔNG NGUỒN VỐN	440		190.065.412.334	113.076.587.340

33
N
F
G
N

12/1
K
C
1/2/1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	22b	12.500.000	12.500.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		2.880.000.000	2.880.000.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		771.746.740.000	771.895.660.000
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3.434.530.000	3.583.440.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		48.452.120.000	48.452.130.000
TSTC giao dịch cầm cố	021.3		553.738.540.000	553.738.540.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4		166.121.550.000	166.121.550.000
TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023		10.000	-
Tiền gửi của khách hàng	026		16.905.310.490	3.064.336.500
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		16.905.310.490	3.064.336.500
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	027.1		16.905.310.490	3.064.336.500
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030		16.905.310.490	3.064.336.500
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1		16.905.310.490	3.064.336.500




Bùi Thị Nga
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016



Trần Lan Hương
 Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Bích Hồng
 Tổng Giám đốc

==
 I
 G
 H
 K
 V
 T
 ==
 =
 2
 1
 1
 1
 1
 1

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	23	1.327.399.830	2.000.996.106
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		3.251.000.000	200.000.000
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		20.000.000	-
Doanh thu tư vấn	08		2.486.242.747	480.001.831
Doanh thu lưu ký chứng khoán	10		187.212.854	134.546.265
Thu nhập hoạt động khác	11	24	569.928.894	404.250.577
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		7.841.784.325	3.219.794.779
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Chi phí môi giới chứng khoán	27		300.754.986	893.171.307
Chi phí tư vấn	29		855.910.862	974.673.795
Chi phí khác	32		55.000	141.135.471
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 33)	40		1.156.720.848	2.008.980.573
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	25	18.722.143	9.255.051
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		18.722.143	9.255.051
CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK	62	26	26.927.215.571	3.524.837.543
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-62)	70		(20.223.429.951)	(2.304.768.286)
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		-	5.636.364
Cộng kết quả hoạt động khác	80		-	5.636.364

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(20.223.429.951)	(2.299.131.922)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(20.223.429.951)	(2.299.131.922)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100			
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	27	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	27	-	-
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (200=90-100)	200		(20.223.429.951)	(2.299.131.922)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		(20.223.429.951)	(2.299.131.922)
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	28	(1.618)	(184)



Bùi Thị Nga
Người lập biểu
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016



Trần Lan Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		-	(2.000.000.000)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		15.000.000.000	-
Tiền lãi đã thu	05		730.032.601	1.110.877.394
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(40.000.000)	(40.000.000)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	08		(1.006.232.304)	(460.497.965)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	10		13.589.965.925	126.878.750.540
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(4.225.354.578)	(122.873.169.032)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>24.048.411.644</i>	<i>2.615.960.937</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		98.750.000.000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>98.750.000.000</i>	<i>-</i>
Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		122.798.411.644	2.615.960.937
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4	10.949.338.795	46.883.342.289
Trong đó:				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	61		1.243.110.439	873.460.459
<i>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK</i>	<i>62</i>		<i>1.243.110.439</i>	<i>873.460.459</i>
Các khoản tương đương tiền	63		9.700.000.000	46.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
 (theo phương pháp trực tiếp)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	4	133.747.750.439	49.499.303.226
Trong đó:				
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	71		107.445.151.195	1.497.660.362
<i>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK</i>	72		<i>107.445.151.195</i>	<i>1.497.660.362</i>
Các khoản tương đương tiền	73		26.300.000.000	48.000.000.00

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
Thu tiền từ tài khoản vãng lai của KH	05		288.798.315.404	198.047.723
Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	06		(274.768.983.603)	(56.998.941)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của KH	11		(188.357.811)	(135.357.639)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	-
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		-	-
Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ	20		13.840.973.990	5.691.143
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		3.064.336.500	538.976.673
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		3.064.336.500	538.976.673
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	32		<i>3.064.336.500</i>	<i>538.976.673</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)	40		16.905.310.490	544.667.816
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		16.905.310.490	544.667.816
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	42		<i>16.905.310.490</i>	<i>544.667.816</i>




Bùi Thị Nga
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016



Trần Lan Hương
 Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Bích Hồng
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	98.750.000.000	-	125.000.000.000	223.750.000.000
Vốn pháp định	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	98.750.000.000	-	-	98.750.000.000
Quỹ dự trữ điều lệ	39.210.563	39.210.563	-	-	-	-	39.210.563	39.210.563
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	78.421.126	78.421.126	-	-	-	-	78.421.126	78.421.126
Lợi nhuận chưa phân phối	(20.183.644.477)	(17.818.053.488)	-	(2.299.131.922)	-	(20.223.429.951)	(22.482.776.399)	(38.041.483.439)
Lợi nhuận đã thực hiện	(20.183.644.477)	(17.818.053.488)	-	(2.299.131.922)	-	(20.223.429.951)	(22.482.776.399)	(38.041.483.439)
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	104.933.987.212	107.299.578.201		(2.299.131.922)	98.750.000.000	(20.223.429.951)	102.634.855.290	185.826.148.250



Bùi Thị Nga
 Người lập biểu
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016



Trần Lan Hương
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Hồng
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009;
- Quyết định số 304/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;
- Quyết định số 316/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 04 năm 2010 về việc đổi tên Công ty;
- Quyết định số 309/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 325/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 05 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định 621/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 367/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 185/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 622/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 581/2013/SGDHCM-TV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Công văn số 487/SGDHN-QLTV ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 07 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 33/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Quyết định số 462/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh;
- Quyết định số 08/2013/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Quyết định số 464/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 112/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 09 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 08 năm 2013;
- Quyết định số 30/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 23 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 07 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Địa chỉ liên hệ của Công ty: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 23, Tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2009 và sửa đổi bổ sung ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Quy mô vốn

Vốn cổ phần của Công ty là **125.000.000.000 đồng**.

Mục tiêu hoạt động: cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính; Lưu ký chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 “Hạn chế đầu tư” Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 25 người, trong đó có 17 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 29 người, trong đó có 17 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYỂN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12 tháng 02 năm 2009 (ngày được cấp Giấy phép hoạt) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho kỳ hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán (“Thông tư 210”) thay thế Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính, và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo quy định của thông tư 210/2014/TT-BTC khi so sánh số liệu với báo cáo tài chính kỳ này.

Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng được quản lý tách bạch với tiền của Công ty và được trình bày ở các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng (tài khoản ngoài bảng) của Công ty.

3.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phải sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Cho vay và phải thu

TSTC không phải sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

TSTC không phải sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nợ tài chính theo FVTPL

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phải sinh bao gồm phải sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tổn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị		5 năm
Phương tiện vận tải		7 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 -	5 năm
Phần mềm máy tính		5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 -	5 năm

3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chi tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chi tiêu "Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<i>Các quỹ</i>	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	10%	25% vốn điều lệ

3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

3.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính riêng về tài sản và nợ phải trả của khách hàng

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng của Công ty (ngoài bảng).

3.11 Quản trị về rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tiền	107.447.750.439	1.249.338.795
- Tiền mặt tại quỹ	2.599.244	6.228.356
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	107.445.151.195	1.243.110.439
Các khoản tương đương tiền	26.300.000.000	9.700.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	26.300.000.000	9.700.000.000
Cộng	133.747.750.439	10.949.338.795

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1-3 tháng, lãi suất từ 4,5% đến 5,5%/năm.

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a. Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu kỳ</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Giá trị hợp lý</i> <i>VND</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Giá trị hợp lý</i> <i>VND</i>
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.500.000.000	-	30.500.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn cố định (trên 3 tháng)</i>	<i>15.500.000.000</i>	<i>-</i>	<i>30.500.000.000</i>	<i>-</i>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	35.380.000.000	-	35.380.000.000	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>35.380.000.000</i>	<i>-</i>	<i>35.380.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	50.880.000.000	-	65.880.000.000	-

11.01 - H 3/11

11.01 - H 3/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Các khoản phải thu

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Khoản dự thu lãi repo – hợp đồng Cotec (*)	3.944.819.444	3.944.819.444
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	1.148.356.388	534.937.778
Cộng	5.093.175.832	4.479.757.222

(*) Đã lập dự phòng 100% (xem thuyết minh số 7).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Lầu 2, toàn nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tắt Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh,

Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797

Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán

từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

T	Các loại tài sản tài chính	30/06/2016					01/01/2016				
		Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	CL đánh giá kỳ này Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	CL đánh giá kỳ trước Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
	FVTPL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	HTM	15.500.000.000	15.500.000.000	-	-	15.500.000.000	30.500.000.000	30.500.000.000	-	-	30.500.000.000
	Tiền gửi có kỳ hạn	15.500.000.000	15.500.000.000	-	-	15.500.000.000	30.500.000.000	30.500.000.000	-	-	30.500.000.000
I	Các khoản cho vay và phải thu	5.093.175.832	1.148.356.388	-	3.944.819.444	1.148.356.388	4.479.757.222	534.937.778	-	3.944.819.444	534.937.778
	Các khoản phải thu	5.093.175.832	1.148.356.388	-	3.944.819.444	1.148.356.388	4.479.757.222	534.937.778	-	3.944.819.444	534.937.778
	Khoản dự thu lãi repo – hợp đồng Cotec	3.944.819.444	-	-	3.944.819.444	-	3.944.819.444	-	-	3.944.819.444	-
	Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	1.148.356.388	1.148.356.388	-	-	1.148.356.388	534.937.778	534.937.778	-	-	534.937.778
V	AFS	35.380.000.000	35.380.000.000	-	-	35.380.000.000	35.380.000.000	35.380.000.000	-	-	35.380.000.000
	Cổ phiếu “Cty CP Kỹ thuật Xây dựng và VLXD” (Cotec)	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000
	Cổ phiếu “Cty CP Công nghiệp Cao su Coecco”	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000
	Cộng	55.973.175.832	52.028.356.388	-	3.944.819.444	52.028.356.388	70.359.757.222	66.414.937.778	-	3.944.819.444	66.414.937.778

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆTLầu 2, toàn nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh,
Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797

Fax: (08) 3911 5798

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

TÌNH HÌNH LẬP DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Loại TSTC	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này		Giá trị lập dự phòng kỳ này	Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc (hoàn nhập) kỳ này
			Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC			
A	B	1	2	3	4	5	6
I	TSTC FVTPL	-	-	-	-	-	-
II	TSTC HTM	-	15.500.000.000	15.500.000.000	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn	-	15.500.000.000	15.500.000.000	-	-	-
III	TSTC cho vay và phải thu	-	5.093.175.832	1.148.356.388	3.944.819.444	3.944.819.444	-
1	Khoản dự thu lãi repo – hợp đồng Cotec	-	3.944.819.444	-	3.944.819.444	3.944.819.444	-
2	Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	1.148.356.388	1.148.356.388	-	-	-
IV	TSTC AFS	3.288.000	35.380.000.000	35.380.000.000	-	-	-
1	Cổ phiếu “Cty CP Kỹ thuật Xây dựng và VLXD” (Cotec) (*)	3.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-
2	Cổ phiếu “Cty CP Công nghiệp Cao su Coecco” (*)	288.000	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	-
Cộng		3.288.000	55.973.175.832	52.028.356.388	3.944.819.444	3.944.819.444	-

(*) Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 một cách đáng tin cậy.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

8. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY ĐÃ CUNG CẤP

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính		
Công ty CP Đầu tư & phát triển Sài Gòn (S.D.I)	-	165.000.000
Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Địa ốc Him Lam	-	50.833.223
Công ty Cổ Phần Him Lam	-	5.310.000.000
Công ty Cổ phần Phương Gia Phú (*)	92.225.000	92.225.000
Dương Minh Hùng (*)	12.505.000.000	12.505.000.000
Công ty Cổ phần xây lắp 6	-	330.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc và Dịch vụ TMDL Tân Hải (*)	-	294.000.000
Công ty Cổ phần Thảo Điền (*)	-	2.440.226.638
Công ty TNHH Khai Hưng (*)	136.729.000	136.729.000
Công ty Cổ Phần Tân Hoàng Thắng (*)	315.000.000	315.000.000
Công ty Cổ Phần Him Lam Hải Phòng (*)	9.100.000.000	9.100.000.000
Công ty Cổ phần Him Lam Thủ Đức (*)	10.525.207.200	10.525.207.200
Cộng	32.674.161.200	41.264.221.061

(*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 10.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Các khoản phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư chứng khoán TBX (*)	6.893.671.401	6.953.671.401
Công ty Cổ phần Nông lâm Hải sản Phương Nam	10.000.000	10.000.000
Khoản ứng trước nhà cung cấp	142.418.000	616.094.100
Phải thu khác	41.846.790	1.330.000
Cộng	7.087.936.191	7.581.095.501

(*) Đã lập dự phòng 4.567.671.401 đồng, xem thuyết minh số 10.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Lầu 2, toàn nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797

Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

0. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

<i>STT</i>	<i>Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng</i>	<i>Giá trị phải thu khó đòi VND</i>	<i>Số trích lập trong kỳ VND</i>	<i>Số hoàn nhập trong kỳ VND</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
1	Các khoản phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	35.408.387.838	23.030.207.200	2.734.226.638	32.674.161.200	12.378.180.638
	Công ty Cổ phần Phương Gia Phú	92.225.000	-	-	92.225.000	92.225.000
	Dương Minh Hùng	12.505.000.000	12.505.000.000	-	12.505.000.000	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc và Dịch vụ TMDL Tân Hải	294.000.000	-	294.000.000	-	294.000.000
	Công ty Cổ phần Thảo Điền	2.440.226.638	-	2.440.226.638	-	2.440.226.638
	Công ty TNHH Khai Hưng	136.729.000	-	-	136.729.000	136.729.000
	Công ty Cổ Phần Tân Hoàng Thắng	315.000.000	-	-	315.000.000	315.000.000
	Công ty Cổ Phần Him Lam Hải Phòng	9.100.000.000	-	-	9.100.000.000	9.100.000.000
	Công ty Cổ phần Him Lam Thủ Đức	10.525.207.200	10.525.207.200	-	10.525.207.200	-
2	Các khoản phải thu	10.838.490.845	-	292.600.000	8.512.490.845	8.805.090.845
	Dự thu lãi Repo cổ phiếu Cotec (thuyết minh số 5b)	3.944.819.444	-	-	3.944.819.444	3.944.819.444
	Các khoản phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư chứng khoán TBX (thuyết minh số 9)	6.893.671.401	-	292.600.000	4.567.671.401	4.860.271.401
3	Tạm ứng	1.987.476.676	1.987.476.676	-	1.987.476.676	-
	Huỳnh Ngọc Huy (thuyết minh số 11)	1.987.476.676	1.987.476.676	-	1.987.476.676	-
	Cộng	48.234.355.359	25.017.683.876	3.026.826.638	43.174.128.721	21.183.271.483

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

11. TẠM ỨNG

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Huỳnh Ngọc Huy (*)	1.987.476.676	1.987.476.676
Nguyễn Thị Ngọc Kiều	29.210.105	-
Cộng	2.016.686.781	1.987.476.676

(*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 10.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	6.272.147	21.653.970
Chi phí thuê văn phòng	115.983.756	117.809.378
Phí Quản lý thành viên	20.000.002	-
Chi phí trả trước, chờ phân bổ khác	10.356.038	11.061.960
Cộng	152.611.943	150.525.308
Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	571.379.493	840.127.500
Chi phí chờ phân bổ khác	30.328.419	46.999.497
Cộng	601.707.912	887.126.997

==
3
H
K
V
==
= 8 /
+ H
+ T
/ 20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

13. CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Ký quỹ ngắn hạn		
Ký quỹ thẻ taxi	15.000.000	15.000.000
Ký quỹ thuê máy photocopy	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ khác	200.000	200.000
Cộng	18.200.000	18.200.000
Ký quỹ dài hạn		
Đặt cọc thuê văn phòng Hà Nội	16.553.790	16.553.790
Cộng	16.553.790	16.553.790

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc, thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	1.435.417.000	978.350.000	3.775.493.090	6.189.260.090
Số cuối kỳ	1.435.417.000	978.350.000	3.775.493.090	6.189.260.090
Hao mòn lũy kế				
Số đầu kỳ	1.435.417.000	374.996.923	3.762.220.786	5.572.634.709
Khấu hao trong kỳ	-	81.534.202	13.272.304	94.806.506
Số cuối kỳ	1.435.417.000	456.531.125	3.775.493.090	5.667.441.215
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	603.353.077	13.272.304	616.625.381
Số cuối kỳ	-	521.818.875	-	521.818.875
<i>Trong đó:</i>				
Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	1.435.417.000	-	3.775.493.090	5.210.910.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
Số cuối kỳ	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
Hao mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-

16. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	298.643.023	298.643.023
Tiền lãi phân bổ trong năm	130.295.069	130.295.069
Cộng	428.938.092	428.938.092

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty CP Phát triển hạ tầng Sài Gòn	165.000.000	165.000.000
Bùi Thị Nguyễn Hạnh	300.000.000	-
Công ty CP nhựa Bảo Vân	1.641.336	-
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Khánh Hòa	40.000.000	-
Công ty CP Nông lâm Hải Sản Phương Nam	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Nhật Tiến	330.000.000	-
Cộng	936.641.336	265.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	620.075.748
Thuế thu nhập cá nhân	16.382.843	29.598.031
Cộng	16.382.843	649.673.779

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Chi phí hoạt động	111.881.932	95.333.912
Chi phí phải trả khác	-	1.120.170.000
Cộng	111.881.932	1.215.503.912

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Phí quản lý cổ đông	249.999.999	750.000.001
Cộng	249.999.999	750.000.001

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Phải trả liên quan đến vụ kiện Ông Hoàng Xuân Quyến	2.336.000.000	2.336.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	481.998.674	86.585.077
Cộng	2.817.998.674	2.422.585.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

<i>Cổ đông</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Công ty Cổ phần Him Lam	79%	98.750.000.000	79%	98.750.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	11%	13.750.000.000	11%	13.750.000.000
Ông Phan Hữu Tuấn	10%	12.500.000.000	10%	12.500.000.000
Cộng	100%	125.000.000.000	100%	125.000.000.000

b. Cổ phiếu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.500.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.500.000</i>	<i>12.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.500.000</i>	<i>12.500.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

c. Vốn khác của chủ sở hữu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Công ty Cổ phần Him Lam	98.750.000.000	-
Cộng	98.750.000.000	-

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 03 năm 2016, Công phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 để tăng vốn từ 125 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng. Các cổ đông “Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt” và “Phan Hữu Tuấn” từ chối mua cổ phần phát hành thêm tương ứng 2.625.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần mà hai cổ đông trên từ chối mua đã được cổ đông “Công ty Cổ phần Him Lam” mua. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty Cổ phần Him Lam đã chuyển tiền góp vốn 98,75 tỷ đồng và được công ty ghi nhận vào khoản mục vốn khác của chủ sở hữu. Ngày 07 tháng 07 năm 2016, Cổ đông “ Công ty cổ phần Him Lam” đã nộp 26,25 tỷ đồng để mua số cổ phần của hai cổ đông từ chối mua trên. Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ số 24/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 07 năm 2016 với số vốn cổ phần là 250 tỷ đồng. Công ty sẽ phân loại từ vốn khác của chủ sở hữu sang vốn điều lệ vào kỳ kế toán tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

23. LÃI TỪ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	1.327.399.830	2.000.996.106
Cộng	1.327.399.830	2.000.996.106

24. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Doanh thu hoạt động quản lý sở cổ đông	500.000.002	250.000.001
Thu nhập khác	69.928.892	154.250.576
Cộng	569.928.894	404.250.577

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lãi tiền gửi không cố định	18.722.143	9.255.051
Cộng	18.722.143	9.255.051

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	1.272.016.888	1.687.682.091
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	87.440.000	81.120.000
Chi phí văn phòng phẩm	7.640.410	13.230.144
Chi phí công cụ, dụng cụ	27.458.854	50.974.208
Chi phí khấu hao TSCĐ	82.665.806	132.205.726
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.000.000	5.496.000
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	24.431.083.876	162.820.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	912.454.776	1.107.815.745
Chi phí khác	102.454.961	283.493.629
Cộng	26.927.215.571	3.524.837.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	(20.223.429.951)	(2.299.131.922)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	-
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) + (3)	(20.223.429.951)	(2.299.131.922)
Chuyển lỗ năm trước (5)	-	-
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)	-	-

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Từ khi thành lập đến nay, cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế TNDN của Công ty.

c. Chuyển lỗ

Theo luật thuế hiện hành, các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau trong vòng 5 năm kể từ khi phát sinh để bù trừ với lợi nhuận thu được.

<i>Năm phát sinh - năm hết hạn</i>	<i>Số lỗ phát sinh VND</i>	<i>Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước VND</i>	<i>Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này VND</i>	<i>Lỗ còn được chuyển VND</i>
2011 - 2016	15.058.228.504	9.722.822.014	-	5.335.406.490
2012 - 2017	11.399.843.738	-	-	11.399.843.738
Cộng	26.458.072.242	9.722.822.014	-	16.735.250.228

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ còn được chuyển do không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế cần trừ các khoản lỗ tính thuế đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	(20.223.429.951)	(2.299.131.922)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	(20.223.429.951)	(2.299.131.922)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	12.500.000	12.500.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	(1.618)	(184)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Lầu 2, toàn nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tắt Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh,
 Tp.HCM
 Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
 từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

9. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>		<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>		
<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	133.747.750.439	-	10.949.338.795	-	133.747.750.439	10.949.338.795
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15.500.000.000	-	30.500.000.000	-	15.500.000.000	30.500.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	35.380.000.000	-	35.380.000.000	-	35.380.000.000	35.380.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.093.175.832	3.944.819.444	4.479.757.222	3.944.819.444	1.148.356.388	534.937.778
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	32.674.161.200	32.674.161.200	38.823.994.423	9.937.954.000	-	28.886.040.423
Phải thu khác	7.087.936.191	4.567.671.401	7.581.095.501	4.860.271.401	2.520.264.790	2.720.824.100
Cộng	229.483.023.662	41.186.652.045	127.714.185.941	18.743.044.845	188.296.371.617	108.971.141.096
Nợ tài chính						
Phải trả người bán ngắn hạn	1.531.936	-	30.554.006	-	1.531.936	30.554.006
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	936.641.336	-	265.000.000	-	936.641.336	265.000.000
Phải trả người lao động	14.030.262	-	350.695.262	-	14.030.262	350.695.262
Chi phí phải trả ngắn hạn	111.881.932	-	1.215.503.912	-	111.881.932	1.215.503.912
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	249.999.999	-	750.000.001	-	249.999.999	750.000.001
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	2.817.998.674	-	2.422.585.077	-	2.817.998.674	2.422.585.077
Cộng	4.132.084.139	-	5.034.338.258	-	4.132.084.139	5.034.338.258

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

30. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

b. Rủi ro tín dụng

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính riêng. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản cho vay các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

30. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

<i>Nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	
Đầu kỳ				
Phải trả người bán ngắn hạn	30.554.006	-	-	30.554.006
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	265.000.000	-	-	265.000.000
Phải trả người lao động	350.695.262	-	-	350.695.262
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.215.503.912	-	-	1.215.503.912
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	750.000.001	-	-	750.000.001
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	2.422.585.077	-	-	2.422.585.077
Cuối kỳ				
Phải trả người bán ngắn hạn	1.531.936	-	-	1.531.936
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	936.641.336	-	-	936.641.336
Phải trả người lao động	14.030.262	-	-	14.030.262
Chi phí phải trả ngắn hạn	111.881.932	-	-	111.881.932
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	249.999.999	-	-	249.999.999
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	2.817.998.674	-	-	2.817.998.674

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i>	<i>Giảm giá</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.093.175.832	3.944.819.444	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	32.674.161.200	32.674.161.200	-
Phải thu khác	7.087.936.191	4.567.671.401	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Giá trị VND</i>
Công ty Cổ phần Him Lam	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ tư vấn	300.000.000
		Thu tiền dịch vụ tư vấn	5.640.000.000
		Mua dịch vụ	1.399.068.333
		Thanh toán tiền dịch vụ	782.974.233
		Thu tiền tăng vốn góp	98.750.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Cổ đông	Gửi tiền có kỳ hạn	80.700.000.000
		Tất toán tiền gửi có kỳ hạn	78.700.000.000
		Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.389.298.445
		Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.103.164.268
		Phí quản lý cổ đông	500.000.002

b. Giao dịch với thành viên ban lãnh đạo chủ chốt

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Các lợi ích ngắn hạn cho nhân viên (gồm lương, phụ cấp, thuế thu nhập các nhân trả hộ, lợi ích bằng hiện vật, bảo hiểm xã hội và y tế) và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	425.840.000	934.280.000

c. Số dư công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số dư công nợ</i>	<i>Phải thu/(phải trả) VND</i>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Cổ đông	Tiền gửi có kỳ hạn	37.500.000.000
		Lãi dự thu	693.252.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

32. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là các thông tin trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) và được trình bày lại cho phù hợp với thông tin trình bày cuối kỳ.

33. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản dài hạn/ Tổng Tài sản (%)	0,83%	1,72%
- Tài sản cố định/ Tổng Tài sản (%)	0,27%	0,55%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	99,17%	98,28%
2. Tình hình tài chính		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	2,23%	5,11%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (lần)	43,98 lần	13,39 lần
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu) (%)	0,28%	0,57%
- Khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	44,90 lần	19,37 lần
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	31,86 lần	1,91 lần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

33. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH (tiếp theo)

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Tỷ suất sinh lợi		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	(257,89)%	(71,41)%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	(10,88)%	(2,14)%

34. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CTCK

<i>STT</i>	<i>Các chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	2.304.000.000	2.304.000.000
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	44.447.052.045	26.695.154.717
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	25.000.000.000	25.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	71.751.052.045	53.999.154.717
5	Vốn khả dụng	201.437.341.578	100.097.309.340
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	280,74%	185,37%

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Ngày 01/06/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội đã có thông báo số 853 về việc “Khởi tố và tạm giam bị can” đối với ông Hoàng Xuân Quyến – Nguyên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt về hành vi “tự ý ký 2 hợp đồng huy động vốn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 3 hợp đồng hợp tác đầu tư (repo) cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group) không đúng thẩm quyền, làm trái quy định và điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt gây thiệt hại đặc biệt lớn đến tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt”.

Cụ thể, ông Hoàng Xuân Quyến đã ký 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh cổ phần số HTKD2501-01/LVS-KH (ngày 25/01/2011), HTKD1502-01/LVS-KH (ngày 15/02/2011), HTKD1502-02/LVS-KH (ngày 15/02/2011) với lần lượt bà Trần Thị Huệ Chi, ông Nguyễn Đức Hoàn, ông Bùi Hoàng Giang để mua 3.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group). Tổng số tiền đầu tư là 32.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty và các ủy quyền liên quan, ông Hoàng Xuân Quyến chỉ được ký kết các hợp đồng này khi Hội đồng Quản trị thông qua. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng cho rằng trong điều khoản của hợp đồng có sự sửa chữa so với các loại hợp đồng cùng loại của Công ty, gây bất lợi cho Công ty.

Biên bản làm việc giữa Công ty và Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ thuộc công an thành phố Hà Nội ngày 15/05/2012 với nội dung như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

- Công ty yêu cầu ông Hoàng Xuân Quyền và các bên có liên quan (ông Trần Tự Thành, ông Đỗ Quang Minh, ông Nguyễn Đức Hoàn) do đã vi phạm thẩm quyền, dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng phải trả cho Công ty tổng số tiền 40.658.381.944 đồng, bao gồm 32.500.000.000 đồng tiền gốc và 8.158.381.944 đồng tiền lãi ước tính sử dụng vốn không hiệu quả (lãi ước tính chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính). Đến thời điểm này, các bên nêu trên đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả. Số tiền còn phải nộp là 38.822.381.944 đồng;
- Sau khi trả đủ tiền, Công ty sẽ trả lại 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group cho các bên nêu trên.

Tuy nhiên, do hợp đồng được ký kết vượt thẩm quyền nên có thể hợp đồng sẽ vô hiệu, khi đó việc xử lý các quyền và nghĩa vụ giữa các bên có thể sẽ thay đổi. Đến thời điểm lập báo cáo này, sự việc đã được cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị truy tố. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã có cáo trạng số 151/CT-VKS-PIB ngày 14 tháng 03 năm 2014 quyết định truy tố ông Hoàng Xuân Quyền ra trước Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ” (qui định tại khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự). Hiện Công ty vẫn đang ghi nhận đây là khoản đầu tư ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty và chưa ghi nhận các ảnh hưởng về tài chính liên quan đến khoản đầu tư này vào báo cáo tài chính. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, Công ty đã tiến hành bán đấu giá khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thiệt hại. Theo thông báo của Công ty Cổ phần bán đấu giá Nhân Văn, phiên bán đấu giá tài sản ngày 10 tháng 09 năm 2014 không thành công (phiên thứ 9). Và tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa phát sinh thêm phiên bán đấu giá kế tiếp.

Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và đã ra Bản án số 69/2015/HSST cùng ngày với nội dung như sau: buộc ông Hoàng Xuân Quyền bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khắc phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty. Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyền. Công ty đang chờ tòa án xét xử phúc thẩm.



Bùi Thị Nga
Người lập biểu



Trần Lan Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016